

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông,
không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025);

Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 (hai) cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số

61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về công bố Danh mục gồm 52 thủ tục hành chính mới, 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 25 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3255/TTr-SYT ngày 29/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với 69 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Bảo trợ xã hội, Thiết bị y tế, An toàn thực phẩm và Phòng bệnh, Tổ chức cán bộ, Thi đua khen thưởng, Đào tạo và nghiên cứu khoa học, Dân số, Bà mẹ - Trẻ em, Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế được công bố tại Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế và Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về công bố Danh mục gồm 52 thủ tục hành chính mới, 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 25 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung các Quyết định sau:

a. Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế trong lĩnh vực Tổ chức cán bộ theo Thông tư số 06/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

b. Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 49 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

c. Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 17/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 13 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

d. Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Trẻ em thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG, KHÔNG LIÊN THÔNG
CẤP TỈNH, CẤP XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	(1)	(2)	(3)		(4)
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập (1.013814.H21)	05 ngày làm việc đối với việc cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và cấp giấy chứng nhận thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập	0,5 ngày làm việc	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: công chức Bộ phận một cửa của Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn giải quyết	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
			2,5 ngày làm việc	Bước 2: Sở Y tế giải quyết 2,5 ngày làm việc - Phòng BTXH&TE xử lý hồ sơ: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: + Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; + Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; + Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,25 ngày làm việc. - Lãnh đạo Sở xét duyệt: 0,5 ngày làm việc - Văn thư vào sổ, chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
			02 ngày làm việc	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 1,5 ngày làm việc - Văn thư vào sổ, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc	
		10 ngày đối với việc giải thể cơ sở trợ giúp xã hội	0,5 ngày	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: công chức Bộ phận một cửa của Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn giải quyết	
			4,5 ngày	Bước 2: Sở Y tế giải quyết 4,5 ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	(1)	(2)	(3)		(4)
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
				- Phòng BTXH&TE xử lý hồ sơ: 3,5 ngày, cụ thể: + Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; + Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày; + Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày. - Lãnh đạo Sở xét duyệt: 0,5 ngày. - Văn thư vào sổ, chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
			05 ngày	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 4,5 ngày. - Văn thư vào sổ, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày.	
2	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội (1.013815.H21)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: công chức Bộ phận một cửa của Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn giải quyết	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
			4,5 ngày làm việc	Bước 2: Sở Y tế giải quyết 4,5 ngày làm việc - Phòng BTXH&TE xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: + Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; + Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; + Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc. - Lãnh đạo Sở xét duyệt: 0,5 ngày làm việc. - Văn thư vào sổ, chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
			05 ngày làm việc	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 4,5 ngày làm việc. - Văn thư vào sổ, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc.	
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	0,5 ngày làm việc	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: công chức Bộ phận một cửa của Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn giải quyết	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	(1)	(2)	(3)		(4)
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
	công tác xã hội (1.013817.H21)	đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc	Bước 2: Sở Y tế giải quyết 2,5 ngày làm việc - Phòng BTXH&TE xử lý hồ sơ: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: + Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; + Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; + Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,25 ngày làm việc. - Lãnh đạo Sở xét duyệt: 0,5 ngày làm việc - Văn thư vào sổ, chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
			02 ngày làm việc	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 1,5 ngày làm việc - Văn thư vào sổ, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc	
4	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013820.H21)	35 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: công chức Bộ phận một cửa của Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn giải quyết	
			19,5 ngày làm việc	Bước 2: Sở Nội vụ giải quyết 19,5 ngày làm việc - Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ: 18,5 ngày làm việc, cụ thể: + Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; + Chuyên viên giải quyết: 17,5 ngày làm việc; + Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc. - Lãnh đạo Sở xét duyệt: 0,5 ngày làm việc. - Văn thư vào sổ, chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
			15 ngày làm việc	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 14,5 ngày làm việc. - Văn thư vào sổ, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc.	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
5	Đăng ký hành nghề công	05 ngày làm	0,5 ngày	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: công chức Bộ	Quyết định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	(1)	(2)	(3)		(4)
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
	tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (1.012993. H21)	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	làm việc	phận một cửa của Sở Y tế tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho phòng chuyên môn giải quyết	619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
			2,5 ngày làm việc	Bước 2: Sở Y tế giải quyết 2,5 ngày làm việc - Phòng BTXH&TE xử lý hồ sơ: 1,5 ngày làm việc, cụ thể: + Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; + Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; + Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,25 ngày làm việc. - Lãnh đạo Sở xét duyệt: 0,5 ngày làm việc - Văn thư vào sổ, chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày làm việc.	
			02 ngày làm việc	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 1,5 ngày làm việc - Văn thư vào sổ, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc	
Tổng cộng: 05 TTHC					

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH.

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
1	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội (2.000477.000.00.00.H21)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội (2.000282.000.00.00.H21)	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định				Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
II	Lĩnh vực Dân số và Trẻ em						
3	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (1.013845.H21)	60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 58,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 57,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
4	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (1.004946. H21)	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp	02 giờ	Công chức Phòng Bảo trợ, xã hội và trẻ em giải quyết, xử lý hồ sơ, tham mưu lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản: 09 giờ	-	01 giờ	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.					
5	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em (1.004944. H21)	Đối với trường hợp chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em tại cơ sở trợ giúp xã hội để chuyển đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế					
		05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	0,5 ngày làm việc	Phòng Bảo trợ, xã hội và trẻ em: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
III	Lĩnh vực Đào tạo và nghiên cứu khoa học						
6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công	15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ	0,5 ngày	Phòng Tổ chức cán bộ xử lý hồ sơ: 13,5 ngày, cụ thể:	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh (1.013824.H21)	hợp lệ.		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			UBND ngày 26/6/2025
IV	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ và Thi đua khen thưởng						
7	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần (1.013871.H21)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Tổ chức cán bộ xử lý hồ sơ: 18,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 17,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
8	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần (1.013876.H21)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Tổ chức cán bộ xử lý hồ sơ: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 7,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
V	Lĩnh vực Thiết bị y tế						
9	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B. (3.000447.H21)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 13,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 12,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
10	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B (3.000448.H21)	03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến cho Sở Y tế trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế (https://imda.moh.gov.vn/).				Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
			0,25 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 1,75 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
11	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến cho Sở Y tế trên Cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế (https://imda.moh.gov.vn/).				Quyết định số 619/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	kiểm chứa chất ma túy và tiền chất (3.000449.H21)						UBND ngày 26/6/2025
VI	Lĩnh vực Phòng bệnh						
12	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (1.013864.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
13	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp. (1.013860.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
14	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	27 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 25,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	(1.013878.H21)			lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 24,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			26/6/2025
15	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn (1.013884.H21)	- Trường hợp có thẩm định tại phòng xét nghiệm: 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 25,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 24,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
		- Trường hợp không thẩm định tại phòng xét nghiệm: 17 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 15,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 14,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
16	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an	Trường hợp có thẩm định tại	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 25,5 ngày, cụ thể:	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất (1.013893.H21)	phòng xét nghiệm: 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 24,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			UBND ngày 26/6/2025
		Trường hợp không thẩm định tại phòng xét nghiệm: 17 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 15,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 14,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
17	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm (1.013865.H21)	Trường hợp có thẩm định tại phòng xét nghiệm: 27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 25,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 24,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
		Trường hợp	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ:	0,5 ngày	0,5 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		không thăm định tại phòng xét nghiệm: 17 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		15,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 14,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			
18	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính (1.013869.H21)	40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 38,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 37,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
19	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính (1.013873.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
20	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (1.013879.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
21	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động (1.013890.H21)	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
22	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013866.H21)	- Trường hợp 1: 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				ngày.			
		Trường hợp 2: + 60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Được xử lý hồ sơ: 58,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 57,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
		+ Riêng đối với hồ sơ chế phẩm có chứa hoạt chất hoặc có dạng sản phẩm hoặc có phạm vi sử dụng hoặc tác dụng lần đầu đăng ký tại Việt Nam: 120 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Được xử lý hồ sơ: 118,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 117,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
23	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Được xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	y tế (1.013874.H21)			lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			26/6/2025
24	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013887.H21)	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Được xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
25	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013891.H21)	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Được xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
26	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất,	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Được xử lý hồ sơ: 58,5 ngày, cụ thể:	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013895.H21)	hồ sơ hợp lệ		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 57,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			UBND ngày 26/6/2025
27	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013867.H21)	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
28	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất (1.013868.H21)	30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đối với đăng ký lưu hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 28,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 27,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
		Các trường hợp	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ	0,5 ngày	0,5 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		còn lại: 60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ		sơ: 58,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 57,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			
29	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013870.H21)	10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 8,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 7,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
30	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013872.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
31	Cấp giấy phép nhập khẩu chế	15 ngày kể từ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu (1.013875.H21)	ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ		sơ: 13,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.			số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
32	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ (1.013880.H21)	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 13,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
33	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng (1.013881.H21)	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 13,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
34	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu (1.013883.H21)	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 13,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
35	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (1.013886.H21)	03 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 1,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
36	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (1.013889.H21)	03 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 1,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
37	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số	- 05 ngày làm	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ	0,5 ngày	0,5 ngày làm	Quyết định

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (1.013892.H21)	việc đối với trường hợp đình chỉ lưu hành chế phẩm tạm thời.	làm việc	sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	làm việc	việc	số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
		- Trường hợp thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm: 15 ngày, kể từ ngày xác định các trường hợp theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.	0,5 ngày	Phòng Nghiệp vụ Dược xử lý hồ sơ: 13,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
38	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá (1.013896.H21)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				ngày làm việc.			
39	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) (1.013898.H21)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
40	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá (1.013894.H21)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
VII	Lĩnh vực An toàn thực phẩm						
41	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 2,25 ngày làm việc, cụ thể:	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	(1.013838.H21)			1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 1,75 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,25 ngày làm việc.			
42	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (1.013847.H21)	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 2,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 1,75 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
43	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi. (1.013851.H21)	10 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 7,5 ngày làm	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
				việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.			
44	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (1.013855.H21)	20 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 18,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 17,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
45	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.013858.H21)	07 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
46	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.013862.H21)	07 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
47	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.013857.H21)	45 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 43,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 42,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
48	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.013854.H21)	45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 43,5 ngày làm việc, cụ	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP. 148/2025/NĐ-CP.		thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 42,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.			26/6/2025
		30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 28,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 27,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
49	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.013850.H21)	45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 43,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm).		lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 42,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.			
		30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm nếu cần thiết).	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 28,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 27,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
50	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 28,5 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 (1.013844.H21)	nghiệm trong trường hợp cần thiết)		1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 27,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.			
51	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn	05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
	quốc tế ISO/IEC 17025 (1.013841.H21)						
52	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu (1.013829.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0, 5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thụ lý: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
VIII	Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền						
53	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT (1.012415.H21)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 33,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 32,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
54	Cấp lại giấy chứng nhận lương y (1.012417.H21)	07 ngày làm việc kể từ ngày	0,5 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ Y xử lý hồ sơ: 5,5 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 618/QĐ-

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
		nhận được hồ sơ hợp lệ		1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.			UBND ngày 26/6/2025
	TỔNG CỘNG: 54 TTHC						

III. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ HOẶC BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã/phường/thị trấn (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
I	Lĩnh vực Dân số và Trẻ em						
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (1.004946. H21)	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm	02 giờ	Công chức Văn hóa – Xã hội giải quyết, xử lý hồ sơ, tham mưu lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký duyệt văn bản: 09 giờ	-	01 giờ	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em (1.004944. H21)	<i>Đối với trường hợp chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em theo đề nghị của cá nhân, đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế</i>					Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
		05 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Công chức Văn hóa – Xã hội giải quyết: 3,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có	07 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Công chức Văn hóa – Xã hội giải quyết: 5,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã/phường/thị trấn (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
	hoàn cảnh đặc biệt (2.001947. H21)						
4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em 1.004941. H21	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	0,5 ngày làm việc	UBND cấp xã giải quyết: 13,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phân công: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 12,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em 2.001944. H21	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	0,5 ngày làm việc	UBND cấp xã giải quyết: 13,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phân công: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 12,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã/phường/thị trấn (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
6	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế 2.001.942. H21	25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	UBND cấp xã giải quyết: 23,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phân công: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 22,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội						
7	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn (1.013821.H21)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Văn hoá - Xã hội xử lý hồ sơ: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 7,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
8	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn (1.013822.H21)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Văn hoá - Xã hội xử lý hồ sơ: 3,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã/phường/thị trấn (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
9	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng 1.001776.000.00.00.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày làm việc	Phòng Văn hoá - Xã hội xử lý hồ sơ: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 7,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
10	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội 1.001731.000.00.00.H21	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Văn hoá - Xã hội xử lý hồ sơ: 2 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 1 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
11	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn 2.000355.000.00.00.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	0,5 ngày làm việc	Phòng Văn hoá - Xã hội xử lý hồ sơ: 8,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 7,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa cấp xã/phường/thị trấn (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa cấp xã)	
III	Lĩnh vực An toàn thực phẩm						
12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (1.013855.H21)	20 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã giải quyết: 18,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 17,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
Tổng cộng: 12 TTHC							

IV. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định (ngày)	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan (ngày)	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội 2.000286.000.00.00.H21	10 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã;	07 ngày làm việc	UBND xã giải quyết: 1.1. Bộ phận Một cửa UBND cấp xã tiếp nhận chuyển phòng Văn hóa - Xã hội: 0,5 ngày 1.2. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 1.3. Chuyên viên giải quyết: 4,5 ngày; 1.4. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày. 1.5. Lãnh đạo UBND xã xét duyệt: 0,5 ngày 1.6. Bộ phận một cửa cấp xã chuyển cơ sở trợ giúp xã hội: 0,5 ngày.	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
			03 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội xử lý hồ sơ: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2.2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày; 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày 2.4. Giám đốc cơ sở ký duyệt: 0,5 ngày 2.5. Văn thư vào sổ, trả kết quả cho UBND cấp xã: 0,5 ngày.	
		15 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	10 ngày làm việc	UBND xã giải quyết: 1.1. Bộ phận Một cửa UBND cấp xã tiếp nhận chuyển phòng Văn hóa - Xã hội: 0,5 ngày 1.2. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 1.3. Chuyên viên giải quyết: 7,5 ngày; 1.4. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày. 1.5. Lãnh đạo UBND xã xét duyệt: 0,5 ngày 1.6. Bộ phận một cửa cấp xã chuyển cơ sở trợ giúp xã hội: 0,5 ngày.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định (ngày)	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan (ngày)	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			05 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội xử lý hồ sơ: 5 ngày, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày; 2.2. Chuyên viên giải quyết: 3 ngày; 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua: 0,5 ngày 2.4. Giám đốc cơ sở ký duyệt: 0,5 ngày 2.5. Văn thư vào sổ, trả kết quả cho UBND cấp xã: 0,5 ngày.	